

Số: 5043 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sóc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6633/TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 29/8/2023 và Tờ trình bổ sung số 7538/TTrBS-STNMT-QHKHSDD ngày 02/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sóc Sơn đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 như sau:

- Đưa ra khỏi danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sóc Sơn: 0 dự án.
- Điều chỉnh danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sóc Sơn đối với 08 dự án với tổng diện tích tăng thêm 30,31 ha (*Phụ lục kèm theo*).
- Bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sóc Sơn là: 17 dự án, với tổng diện tích 218,07 ha (*Phụ lục kèm theo*);
- Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2023, cụ thể:
 - Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2023**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Loại đất		30.551,49	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	18.247,84	59,73

	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.592,30	31,40
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.484,41</i>	<i>31,04</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.410,60	4,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.217,36	10,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.417,35	11,19
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	553,98	1,81
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	56,25	0,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.200,26	39,93
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	957,42	3,13
2.2	Đất an ninh	CAN	42,34	0,14
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	203,85	0,67
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	246,98	0,81
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	173,23	0,57
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	258,24	0,85
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,27	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	101,41	0,33
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	5.409,30	17,71
	<i>Trong đó:</i>		-	-
-	Đất giao thông	DGT	3.320,96	10,54
-	Đất thủy lợi	DTL	746,44	2,44
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	56,86	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	14,41	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	172,86	0,57
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	324,32	1,06
-	Đất công trình năng lượng	DNL	24,01	0,08
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	6,99	0,02
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	27,87	0,09
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	316,85	1,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	65,20	0,21
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	325,79	1,07
-	Đất chợ	DCH	6,73	0,02
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,99	0,03
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.320,97	10,87
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	28,76	0,09

2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,08	0,08
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	28,68	0,09
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	40,40	0,13
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	611,00	2,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	713,54	2,34
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	32,05	0,10
3	Đất chưa sử dụng	CSD	103,39	0,34

b. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2023

STT	Loại đất cần thu hồi	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.065,61
	<i>Trong đó:</i>		
1,1	Đất trồng lúa	LUA	650,68
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	644,68
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	40,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	215,51
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	90,81
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,30
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	66,06
	<i>Trong đó:</i>		-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,35
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	35,00
	<i>Trong đó:</i>		-
-	Đất giao thông	DGT	16,50
-	Đất thủy lợi	DTL	4,50
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	5,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	4,40
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	4,60
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	22,50
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,20
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,80
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,21
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,00

c. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.099,96
	<i>Trong đó:</i>		


1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	651,65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>645,65</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	85,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	229,42
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	90,81
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,30
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	9,50


5. Điều chỉnh, bổ sung dự án và diện tích ghi tại điểm e Điều 1 Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố thành: 216 dự án với tổng diện tích 2.248,45 ha.

6. Bổ sung nội dung ghi tại điểm b, Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố thành: Quản lý, đảm bảo việc sử dụng đất nông nghiệp công ích, đất nuôi trồng thủy sản đúng mục đích, đúng thời hạn thuê đất theo quy định của pháp luật.


7. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: P.TNMT;
- Lưu VT. 

H

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông 

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN SÓC SƠN

(Kèm theo Quyết định số 5043/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND Thành phố)

TT	Dan h mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Thu hồi đất	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh huyện	Địa danh xã		
A. Các dự án nằm trong Nghị quyết số 15-NQ/HĐND ngày 4/7/2023 của HĐND Thành phố									
I Các Dự án nằm trong biểu 3A (đăng ký điều chỉnh)									
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng của khu LHXL chất thải Sóc Sơn (phạm vi bán kính 500m)	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	7,85	7,85	Sóc Sơn	Bắc Sơn	QĐ số 9815/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; số 1827/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2019-2023	Điều chỉnh vị trí: xã Mai Đình thành xã Bắc Sơn; Bổ sung diện tích thu hồi từ 0,05ha thành 7,85ha. Diện tích dự án không thay đổi.
2	Xây dựng trường mầm non Kim Lũ (khu Xuân Dương)	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,2	1,2	Sóc Sơn	Kim Lũ, Đông Xuân	Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của HĐND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện dự án: 2021-2023	Điều chỉnh vị trí, bổ sung thêm xã Đông Xuân; Bổ sung diện tích đất thu hồi từ 0,16ha thành 1,2ha. Diện tích dự án không thay đổi
3	Xây dựng vườn hoa xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn	DTT	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,2	1,2	Sóc Sơn	Phù Lỗ	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2022-2025	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 0,84ha thành 1,2ha. Diện tích dự án tăng 0,36 ha
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Nam Sơn	DTL	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	11,9	11,9	Sóc Sơn	Nam Sơn	QĐ 4759/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư; Thời gian thực hiện dự án: 2021-2023	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 1,5ha thành 11,9ha. Diện tích dự án tăng 10,4 ha
5	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Bắc Sơn	LUC	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	12,4	12,4	Sóc Sơn	Bắc Sơn	QĐ 4760/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư; Thời gian thực hiện dự án: 2021-2023	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 1,5ha thành 12,44ha. Diện tích dự án tăng 10,94 ha
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Hồng Kỳ	LUC	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	9,73	9,73	Sóc Sơn	Hồng Kỳ	QĐ 4758/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư; Thời gian thực hiện dự án: 2021-2023	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 1,5ha thành 9,73ha. Diện tích dự án tăng 8,23 ha
7	Xây dựng Trường Tiểu học Phú Cường khu B	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,73	1,73	Sóc Sơn	Phú Cường	QĐ phê duyệt dự án 9911/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2023-2025	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 1,5ha thành 1,7285ha. Diện tích dự án tăng 0,23 ha
8	Cải tạo, nâng cấp trường TH Thanh Xuân A (giai đoạn 2)	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	0,56	0,56	Sóc Sơn	Thanh Xuân	QĐ phê duyệt dự án 2839/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2022-2024	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 0,4ha thành 0,56ha. Diện tích dự án tăng 0,16 ha.
II Các dự án nằm trong biểu 3A (đăng ký mới)									
9	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Xuân Giang	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,3	1,3	Sóc Sơn	Xuân Giang	Nghị quyết số 56/NQ- HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2023-2026	
10	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Kim Lũ khu trung tâm	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	0,09	0,085	Sóc Sơn	Kim Lũ	Nghị quyết số 61/NQ- HĐND ngày 25/4/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2023-2025	
11	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Hương Đình	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	0,26	0,26	Sóc Sơn	Mai Đình	Nghị quyết số 49/NQ- HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2022-2025	

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Thu hồi đất	Vị trí		Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Địa danh huyện	Địa danh xã		
12	Xây dựng trường THPT Trung Giã	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	4	4	Sóc Sơn	Hồng Kỳ	Nghị quyết số 56/NQ- HDND ngày 21/12/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2022-2024	
13	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Hồng Kỳ	DGD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	0,7	0,7	Sóc Sơn	Hồng Kỳ	Nghị quyết số 61/NQ- HDND ngày 25/04/2023 của HDND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2022-2024	
14	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Xuân Giang	DGT	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,6	1,6	Sóc Sơn	Xuân Giang	Nghị quyết số 61/NQ- HDND ngày 25/4/2023 của HDND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2023-2026	
15	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Tân Hưng	DGT	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	2,81	2,812	Sóc Sơn	Tân Hưng	Nghị quyết số 61/NQ- HDND ngày 25/4/2023 của HDND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian thực hiện: 2023-2026	
16	Khu bảo tồn thuộc khu vực IV khu du lịch - văn hoá Sóc Sơn	DDT, DTL	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	23,74	23,74	Sóc Sơn	Phù Linh	Quyết định phê duyệt dự án số 559/QĐ-UBND ngày 28/01/2011; Văn bản số 423/UBND-KH&ĐT ngày 20/02/2023 của UBND TP về việc điều chỉnh dự án. Thời gian hoàn thành dự án năm 2024.	
17	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân Cầm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	DGT	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	9,38	9,38	Sóc Sơn	Bắc Phú, Tân Hưng	Quyết định số 5324/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND huyện Sóc Sơn phê duyệt dự án Thời gian thực hiện: 2022-2025	
III Các dự án nằm trong biểu 3C (đăng ký mới)									
18	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	ONT	UBND huyện Sóc Sơn	0,67	0,67	Sóc Sơn	Thanh Xuân	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 của HDND huyện. Thời gian thực hiện 2022-2025	
19	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Ấp, xã Tân Dân	ONT	UBND huyện Sóc Sơn	3,5	3,50	Sóc Sơn	Tân Dân	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HDND huyện. Thời gian thực hiện: 2023-2025	
B Dự án nằm trong Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND Thành phố (đăng ký mới)									
20	Đầu tư xây dựng Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào Đền Sóc), huyện Sóc Sơn, Hà Nội	DGT	UBND huyện Sóc Sơn	37,5	37,50	Sóc Sơn	Phù Lỗ, Mai Đình, Tiên Dược, TT Sóc Sơn, Phù Linh	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HDND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư. Thời gian thực hiện dự án 2024-2027	
C Các dự án nằm ngoài Nghị quyết số 15-NQ/HĐND ngày 4/7/2023 của HĐND Thành phố									
21	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án loại đất thương mại dịch vụ	TMD	Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đầu tư Thanh Tùng	0,13		Sóc Sơn	Bắc Sơn	Văn bản chấp thuận số 3523/UBND-TNMT ngày 24/10/2022 của UBND Thành phố Thời gian thực hiện 36 tháng kể từ ngày 24/10/2022.	

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Thu hồi đất	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh huyện	Địa danh xã		
22	Đề xuất thực hiện dự án thương mại dịch vụ	TMD	UBND huyện Sóc Sơn	0,46		Sóc Sơn	Tiên Dược	- Quy định tại Điều 73, Điều 193 Luật Đất đai 2013; - Nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. - Văn bản số 8730/STNMT-CCQLDD ngày 22/11/2021 xin ý kiến Sở, ngành; Văn bản số 3500/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của UBND huyện Sóc Sơn, số 245/QHKT-P2 ngày 14/01/2022 của Sở QHKT. - Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện Sóc Sơn	
23	Đề xuất thực hiện dự án thương mại dịch vụ	TMD	UBND huyện Sóc Sơn	1,35		Sóc Sơn	Tiên Dược	- Quy định tại Điều 73, Điều 193 Luật Đất đai 2013; - Văn bản đề nghị của Nhà đầu tư; Nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. - Văn bản số 4093/UBND-ĐT ngày 23/8/2017 của UBND Thành phố cho phép thực hiện nhận chuyển nhượng, thời hạn 06 tháng. Văn bản số 2554/STNMT-CCQLDD ngày 03/7/2018 xác định ranh giới nhận chuyển nhượng - Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện Sóc Sơn	
24	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đầu giá QSD đất tại xứ đồng Độc Sau Làng, thôn Hoàng Dương, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	0,49		Sóc Sơn	Mai Đình	QĐ 7183/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 phê duyệt báo cáo KTKT; 3817/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Thời gian thực hiện: 2015-2023	UBND huyện Sóc Sơn đã ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, TĐC đối với toàn bộ diện tích thực hiện dự án. Chưa được UBND Thành phố giao đất để thực hiện dự án.
25	Cho các hộ, gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích, nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã	NNP	UBND huyện Sóc Sơn	130,09		Sóc Sơn	15 xã	Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố.	UBND huyện Sóc Sơn có trách nhiệm quản lý, đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê đất theo quy định của pháp luật
Tổng				264,67	132,15				

H. PHỐ H.